

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2024

**V/v: “Tranh chấp về
cấp dưỡng nuôi con”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng**
- 2. Ông Nguyễn Ngọc Tài**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Hữu N, sinh năm 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 10, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1982. Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hữu N có nội dung như sau:**

Bà và ông Trần Văn H đã ly hôn theo Bản án số 246/2013/HNGĐ-ST ngày 31/12/2013 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Hiện nay, mức cấp dưỡng nuôi con của ông H là 1.200.000 đồng/tháng, ông H chuyển khoản hàng tháng vào tài khoản của bà N. Đến thời điểm hiện nay cháu T đã 12 tuổi, học lớp 6. Xét thấy mức cấp dưỡng của ông H 1.200.000 đồng không đủ trang trải lo cho con. Với cuộc sống hiện nay cháu T càng lớn, vấn đề sinh hoạt, ốm đau bệnh tật, nhu cầu ăn uống và học hành, mọi chi phí lo cho cháu đều tăng theo giá cả tình hình thực tế.

Với mức lương hàng tháng của bà N hiện nay là 6.900.000 đồng, chi phí lo cho con mỗi tháng gần 5.000.000 đồng. Để đảm bảo vấn đề lo cho con có cuộc sống và học tập được tốt hơn, có sự quan tâm nhiều hơn nữa của cha và mẹ, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, buộc ông Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

*** Bị đơn: Ông Trần Văn H trình bày:**

Căn cứ theo Quyết định số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận thì ông H phải cấp dưỡng nuôi con là 1.200.000 đồng/tháng, ông H đã thực hiện việc cấp dưỡng đầy đủ. Đến ngày 19/9/2022 bà N làm việc với Thi hành án dân sự thị xã L để yêu cầu đình chỉ thi hành án với khoản ông H phải cấp dưỡng cho đến khi con Trần Nguyên T đủ 18 tuổi và Thi hành án đã ra Quyết định đình chỉ thi hành án số 89/QĐ-CCTHADS ngày 19/9/2022 về việc đình chỉ thi hành án. Vì vậy, ông H không còn nghĩa vụ phải cấp dưỡng theo quy định pháp luật, nhưng đối với ông H đó là trách nhiệm của người cha nên ông H vẫn nộp tiền cấp dưỡng đầy đủ cho bà N để nuôi con.

Hiện nay, thu nhập của ông H khoảng 10.000.000 đồng/tháng (thực chi). Ông H chi phí cụ thể:

Chi phí đi lại làm việc, ăn uống, học tập cho bản thân ông H là: 3.000.000 đồng/tháng.

Chi phí điện, nước, sinh hoạt gia đình mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Chi phí thức ăn cho cha ông H, vợ ông H và 03 đứa cháu mồ côi (trong đó có 02 đứa mồ côi cả cha lẫn mẹ hiện đang đi học và 01 đứa mồ côi mẹ, cha thì không có khả năng lao động, hiện cháu đang bị bại não) mỗi tháng là 4.500.000 đồng.

Tổng chi phí tính mỗi tháng là 9.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng ông H cấp dưỡng tuổi già cho cha ông H. Vì vậy, ông H không còn khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà N.

Từ tháng 12/2023, ông H đã lập gia đình, các khoản chi tiêu tăng lên, tiền cấp dưỡng hàng tháng cho con là do vợ ông nộp. Ông H đề nghị Tòa án giải quyết thì phải xác minh thực tế điều kiện hoàn cảnh của gia đình ông tại địa phương, căn cứ vào Quyết định đình chỉ của Thi hành án dân sự thị xã L và quy định pháp luật mà xử lý vụ việc hợp tình hợp lý. Ông H có đơn xin xử vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L và quan hệ pháp luật tranh chấp Tòa án xác định là đúng, Tòa án đưa vụ án ra xét xử phù hợp với quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn đưa vụ án ra xét xử; Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và quá trình xét xử vụ án Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con: Trần Nguyên T, sinh ngày 08/3/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét yêu cầu tranh chấp về cấp dưỡng của bà Nguyễn Thị Hữu N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Trần Văn H có địa chỉ tại khu phố 5, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn H có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1. Về yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng:

Bà Nguyễn Thị Hữu N và ông Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo quyền số 02-2011, số 063 cấp ngày 06/10/2011. Quá trình chung sống bà N và ông H có 01 con chung: Trần Nguyên T (Giới tính: Nữ), sinh ngày 08/3/2012. Cuộc sống chung bà N và ông H hạnh phúc một thời gian rồi phát sinh mâu thuẫn. Năm 2013, ông H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà N. Tại Quyết định của Bản án số: 246/2013/HNGĐ-ST ngày 31/12/2013 tuyên: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Hữu N; Giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Trần Nguyên T, sinh ngày 08/3/2012, ông H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng.

Năm 2022, bà N có đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2022, thì ông H phải cấp dưỡng nuôi con: Trần Nguyên T, sinh ngày 08/3/2012 mỗi tháng 1.200.000 đồng. Hiện nay, do giá cả và nhu cầu sinh hoạt, học tập của con ngày càng tăng nên bà N yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 1.200.000 đồng/tháng tăng lên 2.000.000 đồng/tháng.

Đối với các tài liệu, chứng cứ do ông Hùng nộp cụ thể:

- Biên bản về việc người được thi hành án yêu cầu đình chỉ thi hành án ngày 19/9/2022, cụ thể: Ông H đã cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng, ông H đã nộp đến tháng 9/2022. Từ đây đến khi cháu 18 tuổi là ngày 08/3/2030 còn lại là 07 năm 06 tháng là 108.000.000 đồng, bà N và ông H thoả thuận giải quyết, không yêu cầu thi hành án nữa, bà N thống nhất đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L ra Quyết định đình chỉ số tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông H.

- Quyết định về việc đình chỉ thi hành án số: 89/QĐ-CCTHADS ngày 19/9/2022 về việc đình chỉ thi hành án đối với ông Trần Văn H về khoản cấp dưỡng nuôi con cho cháu Trần Nguyên T mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, cụ thể: 1.200.000 đồng/tháng x 90 tháng (07 năm 06 tháng) = 108.000.000 đồng.

Theo ông H khai: Ông không còn nghĩa vụ phải cấp dưỡng theo quy định pháp luật, nhưng đối với ông H đó là trách nhiệm của người cha nên ông H vẫn nộp tiền cấp dưỡng đầy đủ cho bà N để nuôi con. Đối với yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của bà N thì ông H không còn khả năng cấp dưỡng nuôi con. Ông H đề nghị Toà án giải quyết thì phải xác minh thực tế điều kiện hoàn cảnh của gia đình ông tại địa phương, căn cứ vào Quyết định đình chỉ của Thi hành án dân sự thị xã L và quy định pháp luật mà xử lý vụ việc hợp tình hợp lý.

Theo lời khai của các bên ông H thu nhập 10.000.000 đồng/tháng, bà N thu nhập 6.900.000 đồng/tháng. Việc ông H khai mỗi tháng ông phải chi phí đi lại làm việc, ăn uống, học tập cho bản thân ông; Chi phí điện, nước, sinh hoạt gia đình; Chi phí thức ăn cho cha ông H, vợ ông H và 03 đứa cháu mồ côi (trong đó có 02 đứa mồ côi cả cha lẫn mẹ hiện đang đi học và 01 đứa mồ côi mẹ, cha thì không có khả năng lao động, hiện cháu đang bị bại não); Chi phí cấp dưỡng tuổi già cho cha ông H, nên ông H không còn khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà N là không phù hợp.

Xét thấy: Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Thực tế ông H hàng tháng vẫn cấp dưỡng nuôi con 1.200.000 đồng, nhưng do giá cả và nhu cầu sinh hoạt, học tập của con ngày càng tăng nên bà N thay đổi mức cấp dưỡng. Căn cứ thu nhập thực tế hiện nay của ông H, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của cháu Trần Nguyên T, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành, nhu cầu dinh dưỡng của cháu nên yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của bà Nguyễn Thị Hữu N là phù hợp, buộc ông Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con: Trần Nguyên T (Giới tính: Nữ), sinh ngày 08/3/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3.2. Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 262; Điều 271, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về cấp dưỡng nuôi con:

Buộc ông Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con: Trần Nguyên T (Giới tính: Nữ), sinh ngày 08/3/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

2. Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hữu N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011500 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho bà N biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn